



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên (đến ngày 22/04/2021)
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên (đến ngày 22/04/2021)	
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 26/04/2021)
	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc (đến ngày 25/04/2021)
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/04/2021)

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 1.4 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 16.698.961 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 5.028.114 triệu VND).

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.

**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các Cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, 26-08-2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Phạm Hùng Road, Mễ Trì Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26-08-2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 79.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát lại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00206-21-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **26-08-2021**



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>82.425.689.816.656</b>	<b>56.747.258.197.010</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>10</b>	<b>14.644.183.731.657</b>	<b>13.696.099.298.228</b>
Tiền	111		3.633.423.731.657	2.094.314.298.228
Các khoản tương đương tiền	112		11.010.760.000.000	11.601.785.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.182.805.095.788</b>	<b>8.126.992.675.380</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11.1	17.182.805.095.788	8.126.992.675.380
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.946.101.345.417</b>	<b>6.124.790.460.291</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4.389.238.118.215	3.949.486.943.250
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	2.203.362.134.984	1.303.037.835.829
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.1	1.390.517.804.188	910.365.502.671
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(38.438.737.468)	(39.336.197.606)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.422.025.498	1.236.376.147
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>39.803.824.314.074</b>	<b>26.286.822.229.202</b>
Hàng tồn kho	141		39.867.066.454.066	26.373.360.826.788
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(63.242.139.992)	(86.538.597.586)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.848.775.329.720</b>	<b>2.512.553.533.909</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21.1	193.304.844.203	141.398.046.799
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.645.433.345.190	2.357.338.685.110
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		10.037.140.327	13.816.802.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>77.383.461.382.038</b>	<b>74.764.176.191.827</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>391.503.551.837</b>	<b>305.165.547.431</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	15	156.506.924.800	96.007.238.800
Phải thu dài hạn khác	216	13.2	234.996.627.037	209.158.308.631
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67.685.103.108.103</b>	<b>65.561.657.180.137</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	67.282.201.044.358	65.307.819.877.543
Nguyên giá	222		86.601.974.224.424	82.616.601.097.978
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.319.773.180.066)	(17.308.781.220.435)
Tài sản cố định vô hình	227	17	402.902.063.745	253.837.302.594
Nguyên giá	228		477.923.227.009	342.995.279.178
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.021.163.264)	(89.157.976.584)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>18</b>	<b>563.252.704.950</b>	<b>564.296.973.801</b>
Nguyên giá	231		697.306.888.011	681.931.844.756
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(134.054.183.061)	(117.634.870.955)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.289.235.434.639</b>	<b>6.247.213.506.994</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	19	1.257.340.637.503	918.470.731.946
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	5.031.894.797.136	5.328.742.775.048
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23.058.078.444</b>	<b>171.085.206.311</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		(1.641.921.556)	385.206.311
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11.2	700.000.000	700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11.1	24.000.000.000	170.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.431.308.504.065</b>	<b>1.914.757.777.153</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	21.2	1.875.465.992.374	1.646.094.518.464
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	515.726.561.026	225.553.308.024
Lợi thế thương mại	269	23	40.115.950.665	43.109.950.665
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>159.809.151.198.694</b>	<b>131.511.434.388.837</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>85.824.712.100.939</b>	<b>72.291.648.082.726</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.333.019.977.602</b>	<b>51.975.217.447.498</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		23.727.790.288.950	10.915.752.723.952
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	1.577.448.864.767	1.257.272.765.123
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	1.583.362.334.773	548.579.261.453
Phải trả người lao động	314		171.643.139.695	313.099.678.402
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26.1	534.610.280.683	640.129.684.182
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		27.082.861.112	34.564.307.818
Phải trả ngắn hạn khác	319	27.1	380.739.958.502	328.061.400.351
Vay ngắn hạn	320	28.1	40.271.515.461.442	36.798.465.672.104
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29	4.850.480.257	5.846.534.626
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	1.053.976.307.421	1.133.445.419.487
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.491.692.123.337</b>	<b>20.316.430.635.228</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		399.500.000.000	2.637.987.658.239
Chi phí phải trả dài hạn	333	26.2	227.825.517.504	223.664.493.846
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		16.127.650.192	16.127.650.192
Phải trả dài hạn khác	337	27.2	70.548.158.703	68.736.086.170
Vay dài hạn	338	28.2	15.722.216.250.958	17.343.247.551.512
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.748.541.452	666.262.529
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	53.726.004.528	26.000.932.740

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>73.984.439.097.755</b>	<b>59.219.786.306.111</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>31</b>	<b>73.984.439.097.755</b>	<b>59.219.786.306.111</b>
Vốn cổ phần	411	32	44.729.227.060.000	33.132.826.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.729.227.060.000	33.132.826.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Chênh lệch tỷ giá	417		6.013.413.451	5.568.369.072
Quỹ đầu tư phát triển	418		928.641.612.156	928.641.612.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.924.970.345.533	21.792.442.633.285
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		8.226.009.477.373	8.342.142.580.473
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		16.698.960.868.160	13.450.300.052.812
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		184.026.250.345	148.746.685.328
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>159.809.151.198.694</b>	<b>131.511.434.388.837</b>

26 -08- 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	66.898.784.258.083	40.145.296.653.534
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	603.554.470.898	490.386.761.118
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>35</b>	<b>66.295.229.787.185</b>	<b>39.654.909.892.416</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	36	46.635.128.784.549	32.186.349.235.078
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>19.660.101.002.636</b>	<b>7.468.560.657.338</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	1.344.617.081.584	423.896.154.899
Chi phí tài chính	22	38	1.588.988.760.810	1.364.290.995.908
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.221.208.356.473</i>	<i>1.004.456.450.302</i>
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	24		(3.265.460.326)	14.188.632.911
Chi phí bán hàng	25	39	825.829.346.251	517.170.358.588
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	579.553.554.912	308.467.398.556
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>18.007.080.961.921</b>	<b>5.716.716.692.096</b>
Thu nhập khác	31	41	349.595.969.184	306.679.132.387
Chi phí khác	32	42	317.011.548.488	270.583.222.342
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>32.584.420.696</b>	<b>36.095.910.045</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>18.039.665.382.617</b>	<b>5.752.812.602.141</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	1.593.060.767.661	736.343.005.174
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	44	(304.105.853.199)	(43.852.730.877)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>16.750.710.468.155</b>	<b>5.060.322.327.844</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (mang từ trang trước sang) (60 = 50 - 51 - 52)	60		16.750.710.468.155	5.060.322.327.844
<b>Phân bổ:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		16.698.960.868.160	5.028.113.842.713
Cổ đông không kiểm soát	62		51.749.599.995	32.208.485.131
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	3.524	1.089

26 -08- 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		18.039.665.382.617	5.752.812.602.141
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.962.414.225.327	2.215.763.017.512
Phân bổ lợi thế thương mại	02		2.994.000.000	15.081.220.852
Các khoản dự phòng	03		(5.409.478.179)	33.981.040.497
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại				
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.560.474.244)	20.020.398.887
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.034.718.185.388)	(183.784.819.938)
Chi phí lãi vay	06		1.221.208.356.473	1.004.456.450.302
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>21.179.593.826.606</b>	<b>8.858.329.910.253</b>
<b>trước những thay đổi vốn lưu động</b>				
Biến động các khoản phải thu	09		(1.807.792.513.283)	(949.041.633.014)
Biến động hàng tồn kho	10		(14.180.461.064.099)	(1.718.668.196.728)
Biến động các khoản phải trả và				
nợ phải trả khác	11		10.557.780.514.815	1.340.580.126.390
Biến động chi phí trả trước	12		(35.671.200.988)	79.812.033.039
			<b>15.713.449.563.051</b>	<b>7.611.012.239.940</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.264.885.304.645)	(878.342.759.078)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(632.688.952.908)	(473.468.681.901)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(358.988.128.769)	(282.581.336.690)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>13.456.887.176.729</b>	<b>5.976.619.462.271</b>
<b>kinh doanh</b>				
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố				
định và tài sản dài hạn khác	21		(5.395.591.818.418)	(5.925.280.063.556)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản				
cố định và tài sản dài hạn khác	22		9.750.418.010	26.198.909.880
Tiền chi mua các công cụ nợ của				
các đơn vị khác	23		(18.902.819.623.261)	(4.625.956.218.794)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công				
cụ nợ của các đơn vị khác	24		9.932.507.516.853	1.369.018.341.468
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các				
đơn vị khác	26		827.030.264.967	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		465.218.944.497	158.902.250.879
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>30</b>		<b>(13.063.904.297.352)</b>	<b>(8.997.116.780.123)</b>
<b>đầu tư</b>				

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		3.130.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		58.805.987.383.330	34.560.804.542.912
Tiền trả nợ gốc vay	34		(56.575.537.968.827)	(28.585.233.508.960)
Tiền trả cổ tức	36		(1.677.678.656.652)	(12.939.073.124)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>555.900.757.851</b>	<b>5.962.631.960.828</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>948.883.637.228</b>	<b>2.942.134.642.976</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>13.696.099.298.228</b>	<b>4.544.900.252.204</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(799.203.799)</b>	<b>2.554.731.229</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>10</b>	<b>14.644.183.731.657</b>	<b>7.489.589.626.409</b>

26-08-2021

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

### **1.2 Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế và tủ văn phòng);
- Sản xuất thùng, bể chứa, và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và biển dương; và
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản của Tập đoàn là trong vòng từ 12 tháng đến 36 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các hoạt động khác của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**1.4 Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có các công ty con sau:

<b>STT</b>	<b>Công ty con cấp 1</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
1	Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.	99,998%	99,998%
2	Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.	99,994%	99,99%
3	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%
4	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát (i)	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.	99,90%	99,90%
5	Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát (Thuyết minh 4)	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	0%	99,60%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát</i>					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	0%	99,958%	99,96%
2	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,998%	0%	99,996%	99,998%
3	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang, khai thác quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất mua bán than cốc và các ngành nghề liên quan khác.	99,999%	0%	99,998%	99,999%
4	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	0%	99,998%	100%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát</i>					
5	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,967%	0%	99,960%	99,967%
6	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh.	100%	0%	99,994%	100%
7	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	0%	99,660%	99,67%
8	Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,875%	0%	99,873%	99,875%
9	Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát (ii)	Sản xuất thùng, hệ chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	99,80%	0%	99,794%	0%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</i>					
10	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch.	99,90%	99,90%	99,899%	99,899%
11	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt.	99,975%	99,975%	99,974%	99,974%
12	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	100%	100%	99,999%	99,999%
13	Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát	Chăn nuôi gia cầm.	100%	100%	99,999%	99,999%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát</i>					
14	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,85%	0%	99,746%	99,85%
15	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,90%	99,90%	99,80%	99,80%
16	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội (ii)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,90%	0%	99,80%	0%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>					
1	Công ty TNHH MTV Bình Vàng	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	100%	100%	99,958%	99,96%
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,42%	98,42%	98,379%	98,38%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương</i>					
3	Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%	99,886%	99,888%
4	Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viên dương.	99,314%	95,20%	99,311%	95,198%
5	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Úc	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.	99,972%	99,972%	99,969%	99,971%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất</i>					
6	Công ty Cổ phần Hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,984%	99,99%
7	Công ty Cổ phần Ống thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,984%	99,987%
8	Công ty Cổ phần Tôn Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,988%	99,99%
9	Hòa Phát Trading International Pte Ltd.	Kinh doanh thương mại sắt, thép, gang.	100%	100%	99,998%	99,999%
10	Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Hòa Phát	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	98%	98%	99,998%	99,999%
11	Công ty TNHH Harmonia	Dịch vụ khách sạn.	100%	100%	99,998%	99,999%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</i>					
12	Công ty TNHH MTV Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%	99,998%	100%
13	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa.	99,97%	99,97%	99,968%	99,97%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>					
14	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%	99,960%	99,967%
15	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,960%	99,967%
16	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,98%	99,98%	99,938%	99,944%
17	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,960%	99,967%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát</i>					
18	Công ty TNHH Thép dầy Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	100%	99,873%	99,875%
19	Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,95%	99,95%	99,827%	99,83%
20	Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang.	100%	100%	99,873%	99,875%
21	Công ty TNHH Phụ kiện Cơ khí Hòa Phát (iii)	Đúc sắt, thép; sản xuất các cấu kiện kim loại.	100%	0%	99,873%	0%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>					
22	Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phát Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	100%	99,746%	99,85%
23	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	100%	99,746%	99,85%
24	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát Hưng Yên	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100%	100%	99,746%	99,85%
25	Công ty Cổ phần Golden Gate Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,99%	99,99%	99,736%	99,84%
26	Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	99,80%	99,80%	99,547%	99,65%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên</i>					
27	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (v)	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	100%	0%	99,999%	99,999%
28	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ (iii)	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100%	0%	99,999%	0%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>					
29	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	72,72%	72,72%	72,647%	72,647%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
30	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%
31	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,899%
32	Dragon Trading and Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối gia súc, gia cầm, sản phẩm nông nghiệp khác, quặng, than, sắt thép.	100%	100%	99,899%	99,899%
33	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,899%	99,899%
<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Phát (trien Chăn nuôi Hòa Phát)</i>						
34	Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
35	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
36	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
37	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%	99,974%
38	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn (vi)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	0%	100%	0%	99,974%
39	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Chăn nuôi heo giống và heo thịt.	99,998%	99,998%	99,972%	99,972%
<i>Công ty con của Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát</i>						
40	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,999%	99,999%
41	Công ty Cổ phần Vạn Thắng Phú Thọ (Thuyết minh 4)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, hoạt động dịch vụ trồng trọt	0%	99,8%	0%	99,799%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 4	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 3		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Úc</i>					
1	Dragon Resource Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa; hoạt động vận tải, đại lý vận tải.	100%	100%	99,97%	99,971%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Golden Gan Việt Nam</i>					
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bất động sản.	95,267%	95,27%	95,016%	95,111%
3	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh, bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lễ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,90%	99,90%	99,637%	99,736%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 5	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 4		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
1	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ Hà Nội	Dịch vụ bảo vệ	100%	100%	95,111%	95,111%
2	Công ty con của Dragon Resource Investment Pty Ltd. Northern Territory Iron Ore Pty Ltd (iv)	Thăm dò, khai thác khoáng sản	100%	0%	99,97%	0%

(i) Đây là các Công ty con cấp 1 mới thành lập trong năm 2020. Các Công ty con cấp 1 mới thành lập này nhận chuyển nhượng các Công ty con cấp thấp hơn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và chuyển nhượng nội bộ giữa các Công ty con này với nhau trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã góp 4.387.450.000.000 VND trên tổng vốn đã cam kết 5.499.650.000.000 VND tại Công ty Cổ phần Sầu phẩm Thép Hòa Phát, số vốn còn lại đã được góp đủ tại ngày 9 tháng 7 năm 2021. Các Công ty con cấp 1 còn lại đã được góp đủ vốn trong kỳ 6 tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2021.

(ii) Đây là công ty con cấp 2 mới thành lập trong năm.

(iii) Đây là công ty con cấp 3 mới thành lập trong năm.

(iv) Đây là công ty con cấp 5 mới mua trong năm.

(v) Trong kỳ công ty con cấp 3 này đã được điều chuyển nội bộ từ Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát sang Công ty TNHH Thực ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên

(vi) Trong kỳ công ty con này đã được chuyển nhượng cho một bên thứ 3.

Các công ty con của Tập đoàn đều được thành lập tại Việt Nam, trừ Hoa Phát Trading International Pte Ltd. được thành lập tại Singapore, Dragon Resource Investment Pty Ltd., Dragon Trading and Investment Pty Ltd., và Northern Territory Iron Ore Pty Ltd được thành lập tại Australia.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có 25.525 nhân viên (1/1/2021: 25.428 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

### **3.1 Cơ sở hợp nhất**

#### **(a) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

#### **(c) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

#### **(d) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

#### **(f) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Mua tài sản**

Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

**3.2 Ngoại tệ**

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(b) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3.4 Các khoản đầu tư**

#### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### **3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### *Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các chi phí trực tiếp khác và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### **(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 3.11(b)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### **(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	1 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	1 – 30 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 12 năm
▪ vật nuôi	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 12 năm

### **3.8 Tài sản cố định vô hình**

#### **(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 50 năm. Khấu hao không được trích cho quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

**3.9 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

**3.10 Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh (i) các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và (ii) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn giống đang lớn và chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong giai đoạn lợn giống chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm.

**3.11 Chi phí trả trước dài hạn**

**(a) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn**

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(c) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(d) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

**(e) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân bổ theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**3.12 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3.14 Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

### **3.15 Vốn cổ phần**

#### **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **3.16 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### **(a) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

**(b) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

### **3.17 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### **3.18 Doanh thu và thu nhập khác**

#### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

#### **(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời gian cho thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

**(d) Doanh thu cho thuê**

Trừ trường hợp được mô tả trong mục 3.18(c), doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(e) Doanh thu bán căn hộ**

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao căn hộ.

**(f) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ lãi tiền gửi trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được bù trừ với chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại được ghi giảm giá trị đầu tư.

**(g) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**3.19 Thuê tài sản**

**Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3.20 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### **3.21 Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

### **3.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan của Tập đoàn.

### **3.23 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

## **4. Giao dịch thanh lý công ty con trong kỳ**

Ngày 4 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát với giá trị ghi sổ là 398.400.000.000 VND, tương đương 99,6% vốn cổ phần cho Công ty Cổ phần Nội thất Eden Việt Nam với giá trị chuyển nhượng là 896.400.000.000 VND.

Ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát (một Công ty con cấp 2 của Tập đoàn) đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Vạn Thắng Phú Thọ (một Công ty con cấp 3 của Tập đoàn) với giá trị ghi sổ là 40.723.162.561 VND, tương đương 99,8% vốn cổ phần cho bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 48.800.000.000 VND.

Các giao dịch này đã ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày thanh lý các công ty con nêu trên như sau:

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát VND	Công ty CP Vạn Thắng Phú Thọ VND	Tổng cộng VND
<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm thanh lý</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.305.453.774	17.364.281.259	114.669.735.033
Các khoản phải thu ngắn hạn	201.206.354.951	26.634.521	201.232.989.472
Hàng tồn kho	342.679.773.727	-	342.679.773.727
Tài sản ngắn hạn khác	1.260.131.232	-	1.260.131.232
Tài sản cố định	280.701.670.324	637.752.586	281.339.422.910
Tài sản dở dang dài hạn	26.645.430	22.776.103.739	22.802.749.169
Tài sản dài hạn khác	78.028.813.926	-	78.028.813.926
Nợ phải trả ngắn hạn	(601.208.843.364)	-	(601.208.843.364)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	400.000.000.000	40.804.772.105	440.804.772.105
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(1.600.000.000)	(81.609.544)	(1.681.609.544)
Lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản và nợ phải trả thuần	398.400.000.000	40.723.162.561	439.123.162.561
Giá chuyển nhượng	896.400.000.000	48.800.000.000	945.200.000.000
Chi phí chuyển nhượng	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Lãi do thanh lý công ty con ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	498.000.000.000	4.576.837.439	502.576.837.439

## 5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

## 6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

## 7. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

## 8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Ngoại trừ thay đổi tại Thuyết minh 1.4 và Thuyết minh 4, không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu của Tập đoàn trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **9. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thép: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Nông nghiệp: chăn nuôi lợn, bò, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác;
- Sản xuất công nghiệp khác: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh; và
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Giám đốc xác định rằng, hiện tại Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	60.980.205.765.380	4.617.113.574.849	697.910.446.956	-	66.295.229.787.185
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	12.645.004.495.910	568.989.685	25.545.515.510	(12.671.119.001.105)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>73.625.210.261.290</b>	<b>4.617.682.564.534</b>	<b>723.455.962.466</b>	<b>(12.671.119.001.105)</b>	<b>66.295.229.787.185</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</b>	<b>18.224.381.286.946</b>	<b>787.216.732.681</b>	<b>152.242.714.032</b>	<b>(1.153.494.311.412)</b>	<b>18.010.346.422.247</b>
Thu nhập khác	346.494.575.346	2.529.643.716	571.750.122	-	349.595.969.184
Chi phí khác	(316.039.679.765)	(121.192.111)	(850.676.612)	-	(317.011.548.488)
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	(3.265.460.326)	-	-	(3.265.460.326)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.514.497.554.249)	(47.200.909.954)	(31.362.303.458)	-	(1.593.060.767.661)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	95.329.824.194	2.433.723.275	3.272.594.468	203.069.711.262	304.105.853.199
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>16.835.668.452.472</b>	<b>741.592.537.281</b>	<b>123.874.078.552</b>	<b>(950.424.600.150)</b>	<b>16.750.710.468.155</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>					
Tài sản của bộ phận	162.486.210.541.898	6.038.957.026.813	4.017.888.825.461	(12.733.905.195.478)	159.809.151.198.694
Tổng tài sản	162.486.210.541.898	6.038.957.026.813	4.017.888.825.461	(12.733.905.195.478)	159.809.151.198.694
Nợ phải trả của bộ phận	93.320.873.332.984	1.903.226.390.756	1.878.873.076.956	(11.278.260.699.757)	85.824.712.100.939
Tổng nợ phải trả	93.320.873.332.984	1.903.226.390.756	1.878.873.076.956	(11.278.260.699.757)	85.824.712.100.939

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Chi tiêu vốn	5.075.376.132.085	301.950.007.828	18.351.331.383	(85.652.878)	5.395.591.818.418
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	2.641.309.808.596	286.795.210.374	33.428.653.267	(15.497.418.372)	2.946.036.253.865
Khấu hao tài sản cố định vô hình	8.027.072.662	334.401.198	43.813.500	(6.106.116)	8.399.181.244
Phân bổ chi phí đất trả trước dài hạn	9.177.177.763	3.707.477.613	-	(1.947.681.077)	10.936.974.299

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>						
Doanh thu thuần ra bên ngoài	32.943.737.526.853	5.042.509.498.926	1.312.863.692.096	355.799.174.541	-	39.654.909.892.416
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	17.545.246.605.693	698.460.957	34.151.902.224	31.740.617.936	(17.611.837.586.810)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>50.488.984.132.546</b>	<b>5.043.207.959.883</b>	<b>1.347.015.594.320</b>	<b>387.539.792.477</b>	<b>(17.611.837.586.810)</b>	<b>39.654.909.892.416</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</b>	<b>7.184.042.795.158</b>	<b>894.796.256.227</b>	<b>222.686.441.047</b>	<b>154.922.374.744</b>	<b>(2.753.919.807.991)</b>	<b>5.702.578.059.185</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>304.048.201.108</b>	<b>1.219.626.616</b>	<b>1.353.188.768</b>	<b>1.855.904.356</b>	<b>(1.797.788.461)</b>	<b>306.679.132.387</b>
<b>Chi phí khác</b>	<b>(264.591.544.553)</b>	<b>(5.436.134.977)</b>	<b>(27.692.096)</b>	<b>(1.555.385.333)</b>	<b>1.027.534.617</b>	<b>(270.583.222.342)</b>
<b>Phần lãi tương công ty liên kết</b>	<b>-</b>	<b>14.188.632.911</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.188.632.911</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>(584.892.268.870)</b> 8.182.019.806	<b>(64.446.698.099)</b> 839.536.090	<b>(52.462.389.772)</b> (801.113.079)	<b>(34.541.648.433)</b> 2.054.862.235	<b>-</b> 33.577.425.825	<b>(736.343.005.174)</b> 43.852.730.877
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>6.646.789.202.649</b>	<b>841.161.218.768</b>	<b>170.748.434.868</b>	<b>122.736.107.569</b>	<b>(2.721.112.636.010)</b>	<b>5.060.322.327.844</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh thép VND</b>	<b>Nông nghiệp VND</b>	<b>Sản xuất công nghiệp khác VND</b>	<b>Bất động sản VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tài sản của bộ phận	137.591.518.586.036	7.182.405.136.476	1.464.515.369.989	3.753.721.908.201	(18.480.726.611.865)	131.511.434.388.837
Tổng tài sản	137.591.518.586.036	7.182.405.136.476	1.464.515.369.989	3.753.721.908.201	(18.480.726.611.865)	131.511.434.388.837
Nợ phải trả của bộ phận	83.392.904.434.271	3.040.173.481.198	914.515.369.989	2.440.408.591.833	(17.496.353.794.565)	72.291.648.082.726
Tổng nợ phải trả	83.392.904.434.271	3.040.173.481.198	914.515.369.989	2.440.408.591.833	(17.496.353.794.565)	72.291.648.082.726

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Chỉ tiêu vốn	5.757.128.343.464	234.837.622.413	28.504.887.737	2.410.659.256	(97.601.449.314)	5.925.280.063.556
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	1.906.776.687.065	201.728.277.402	51.381.276.744	34.465.722.427	2.270.730.744	2.196.622.694.382
Khấu hao tài sản cố định vô hình	8.858.095.321	404.653.052	973.664.868	56.129.981	(6.106.114)	10.286.437.108
Phần bổ chi phí đất trả trước dài hạn	8.747.408.885	3.302.664.018	961.028.060	-	(364.595.140)	12.646.505.823

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	10.772.834.214	12.919.745.291
Tiền gửi ngân hàng	3.622.515.961.443	2.081.394.552.937
Tiền đang chuyển	134.936.000	-
Các khoản tương đương tiền	11.010.760.000.000	11.601.785.000.000
	<hr/>	<hr/>
	14.644.183.731.657	13.696.099.298.228
	<hr/>	<hr/>

**10.1 Ngoại tệ bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	20.960.336	480.410.901.120	15.264.410	351.615.684.350
Đồng Euro (“EUR”)	1.247	33.461.998	2.172	60.672.648
Đô la Úc (“AUD”)	307.315	5.235.111.025	2.659.395	46.573.984.635
Nhân dân tệ (“CNY”)	945	3.331.125	-	-
Đô la Singapore (“SGD”)	106.465	1.794.893.435	-	-
		<hr/>		<hr/>
		487.477.698.703		398.250.341.633
		<hr/>		<hr/>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 11. Các khoản đầu tư tài chính

### 11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (i)

	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
		17.182.805.095,788	17.182.805.095,788		8.126.992.675,380	8.126.992.675,380

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)
- Trái phiếu (iii)

	2.000	4.000.000.000	(*)		150.000.000.000	(*)
		20.000.000.000	(*)	2.000	20.000.000.000	(*)
		24.000.000.000	(*)		170.000.000.000	(*)

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 3,3% đến 7,6% (2020: từ 3,3% đến 7,4%) một năm.

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm 214.000 triệu VND được dùng để thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho các hợp đồng L/C của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn (1/1/2021: 196.700 triệu VND);

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm 131.100 triệu VND được dùng để thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho các hợp đồng vay của Tập đoàn (1/1/2021: 46.100 triệu VND).

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các tổ chức tài chính, được hưởng lãi suất 4% (2020: 6%) một năm.

(iii) Đây là khoản trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, đáo hạn vào năm 2026 và hưởng lãi suất hàng năm là lãi suất tham chiếu + 1%. Lãi suất tham chiếu được tính là bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân trả sau kì hạn 12 tháng công bố trên trang tin của 4 ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Việt Nam và Phát triển Việt Nam và Phát triển Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

#### 11.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Địa chỉ	30/6/2021		1/1/2021	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết
		Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
▪ Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7,00%	7,99%	7,00%	7,99%
Hà Nội, Việt Nam		700.000.000	(*)	700.000.000
				(*)

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Bên khác</b>		
Guangxi Pingxiang Futai Import & Export Trade Co., Ltd.	281.008.930.857	181.811.396.791
Huatai Yongchuang (Beijing) Tech. Co., Ltd.	174.696.042.330	194.792.143.429
WISDRI Engineering & Research Incorporation Limited	-	110.979.849.600
Pingxiang City Holly Import & Export Trade Co., Ltd.	139.007.976.581	110.888.776.594
Wuhan City Environment Protection Engineering Limited Company	113.773.835.160	139.745.483.130
Các nhà cung cấp khác	1.494.875.350.056	564.820.186.285
	2.203.362.134.984	1.303.037.835.829

**13. Phải thu khác**

**13.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi tiền gửi	268.232.835.634	198.851.101.719
Ký cược, ký quỹ	964.992.195.840	582.845.456.264
Thuế giá trị gia tăng và nhập khẩu chờ hoàn	70.077.793.460	55.934.698.294
Vật tư cho bên thứ ba mượn	1.802.389.329	819.522.227
Vật tư mang đi gia công	3.226.805.132	397.211.760
Phải thu khác	82.185.784.793	71.517.512.407
	1.390.517.804.188	910.365.502.671

**13.2 Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ký cược, ký quỹ	233.430.643.524	208.726.314.243
Phải thu khác	1.565.983.513	431.994.388
	234.996.627.037	209.158.308.631

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Hàng tồn kho**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.603.543.957.349	-	4.175.588.558.243	-
Nguyên vật liệu	18.764.981.670.638	(825.817.422)	11.876.280.307.410	(2.937.448.687)
Công cụ và dụng cụ	1.680.441.120.460	(1.657.428.014)	1.768.683.803.585	(1.330.489.342)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.229.000.931.492	(14.622.555.602)	2.355.242.940.255	(66.002.922.445)
Thành phẩm	8.182.523.725.153	(4.481.962.439)	5.509.190.782.455	(12.250.780.039)
Hàng hóa	1.783.094.755.349	(41.654.376.515)	496.154.920.463	(4.016.957.073)
Hàng gửi đi bán	623.480.293.625	-	192.219.514.377	-
	<b>39.867.066.454.066</b>	<b>(63.242.139.992)</b>	<b>26.373.360.826.788</b>	<b>(86.538.597.586)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 182.903 triệu VND giá trị hàng tồn kho (1/1/2021: 361.690 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 10.861.738 triệu VND (1/1/2021: 7.677.165 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**15. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>				
Australian Cattle Enterprises (NT) Pty. Ltd.	AUD	6,00%	49.193.172.000	5.418.486.000
<b>Bên khác (*)</b>				
Nguyễn Thị Tố Hoài (i)	VND	5,50%	107.313.752.800	89.463.752.800
Đối tượng khác	VND	6,00%	-	1.125.000.000
			<b>156.506.924.800</b>	<b>96.007.238.800</b>

(\*) Khoản cho vay dài hạn này phản ánh khoản cho cá nhân vay nhằm mục đích đầu tư các hạng mục chuồng trại, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất theo yêu cầu của Tập đoàn. Theo đó, gốc và lãi vay sẽ được cần trừ với tiền thuê trang trại trong suốt thời gian thuê. Sau khi kết thúc thời hạn thuê theo thỏa thuận, Tập đoàn cần bàn giao lại tài sản thuê sau khi các cá nhân đã trả đủ số tiền vay, lãi vay phát sinh.

(i) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Vật nuôi VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	31.048.399.319.216	49.245.042.327.829	1.894.959.633.763	153.443.837.440	266.270.582.463	8.485.397.267	82.616.601.097.978
Tăng trong kỳ	3.743.742.466	106.999.400.856	152.607.663.947	13.017.986.751	-	605.180.000	276.973.974.020
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	863.975.606.242	3.301.309.849.972	677.643.676.640	805.711.500	17.511.888.689	-	4.861.246.733.043
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	13.331.250.000	-	-	-	-	-	13.331.250.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.128.883.436)	(829.256.478)	(285.252.415)	-	-	-	(17.243.392.329)
Thanh lý công ty con	(539.581.451.366)	(419.623.330.511)	(52.968.233.956)	(5.279.095.562)	-	-	(1.017.452.111.395)
Thanh lý và xóa sổ	(114.160.283)	(38.459.550.149)	(20.984.511.076)	-	(71.856.397.887)	-	(131.414.619.395)
Phân loại lại	(306.488.331)	1.418.488.331	-	-	-	(1.112.000.000)	-
Biến động khác	-	-	(62.409.009)	(6.298.489)	-	-	(68.707.498)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>31.373.318.934.508</b>	<b>52.195.857.929.850</b>	<b>2.650.910.567.894</b>	<b>161.982.141.640</b>	<b>211.926.073.265</b>	<b>7.978.577.267</b>	<b>86.601.974.224.424</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	3.472.712.209.812	12.866.683.330.898	685.911.128.704	88.058.794.400	192.340.852.352	3.074.904.269	17.308.781.220.435
Khấu hao trong kỳ	807.532.511.961	1.947.740.309.198	132.351.282.438	15.735.470.091	25.597.328.665	660.039.406	2.929.616.941.759
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.699.210.961)	(220.357.100)	(96.157.669)	-	-	-	(2.015.725.730)
Thanh lý công ty con	(356.534.808.213)	(390.702.831.568)	(42.388.023.984)	(4.487.958.694)	-	-	(794.113.622.459)
Thanh lý và xóa sổ	(114.160.283)	(37.791.597.145)	(12.733.478.624)	-	(71.856.397.887)	-	(122.495.633.939)
Phân loại lại	(232.988.187)	259.293.564	-	-	-	(26.305.377)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.921.663.554.129</b>	<b>14.385.968.147.847</b>	<b>763.044.750.865</b>	<b>99.306.305.797</b>	<b>146.081.783.130</b>	<b>3.708.638.298</b>	<b>19.319.773.180.066</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	27.575.687.109.404	36.378.358.996.931	1.209.048.505.059	65.385.043.040	73.929.730.111	5.410.492.998	65.307.819.877.543
Số dư cuối kỳ	27.451.655.380.379	37.809.889.782.003	1.887.865.817.029	62.675.835.843	65.844.290.135	4.289.938.969	67.282.201.044.358

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 6.122.645 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 4.390.516 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 42.927.392 triệu VND (1/1/2021: 41.770.579 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	261.519.239.336	75.279.529.415	6.196.510.427	342.995.279.178
Tăng trong kỳ	-	4.784.700.000	210.540.176.369	215.324.876.369
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	140.000.000	-	140.000.000
Thanh lý công ty con	(78.770.778.538)	(1.164.150.000)	-	(79.934.928.538)
Xóa sổ	-	(602.000.000)	-	(602.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>182.748.460.798</b>	<b>78.438.079.415</b>	<b>216.736.686.796</b>	<b>477.923.227.009</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	42.892.395.839	42.521.055.830	3.744.524.915	89.157.976.584
Khấu hao trong kỳ	1.411.964.274	6.902.177.008	85.039.962	8.399.181.244
Thanh lý công ty con	(20.769.844.564)	(1.164.150.000)	-	(21.933.994.564)
Xóa sổ	-	(602.000.000)	-	(602.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.534.515.549</b>	<b>47.657.082.838</b>	<b>3.829.564.877</b>	<b>75.021.163.264</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	218.626.843.497	32.758.473.585	2.451.985.512	253.837.302.594
Số dư cuối kỳ	159.213.945.249	30.780.996.577	212.907.121.919	402.902.063.745

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 27.540 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 15.826 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 49.497 triệu VND (1/1/2021: 87.757 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	626.229.143.791	55.702.700.965	681.931.844.756
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.375.043.255	-	15.375.043.255
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>641.604.187.046</b>	<b>55.702.700.965</b>	<b>697.306.888.011</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	117.634.870.955	-	117.634.870.955
Khấu hao trong kỳ	16.419.312.106	-	16.419.312.106
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>134.054.183.061</b>	<b>-</b>	<b>134.054.183.061</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	508.594.272.836	55.702.700.965	564.296.973.801
Số dư cuối kỳ	507.550.003.985	55.702.700.965	563.252.704.950

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn và các công ty con bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam, một số tầng cho thuê của tòa nhà tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
- Quyền sử dụng đất và diện tích cho thuê thương mại thuộc Dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 1 tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội; dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 2 tại 493 Trương Định, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và khu Chung cư tại 70 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Giá gốc và giá trị có thể thu hồi	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án Khu Đô thị và Khu Công nghiệp tại Hưng Yên	1.252.176.227.504	913.306.321.947
Các dự án khác	5.164.409.999	5.164.409.999
	<b>1.257.340.637.503</b>	<b>918.470.731.946</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn có giá trị ghi sổ là 234.903 triệu VND (1/1/2021: 195.435 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**20. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	5.328.742.775.048	36.685.174.068.291
Tăng trong kỳ	4.722.898.257.931	3.754.009.317.424
Lãi vay vốn hóa trong kỳ	6.242.455.114	377.995.627.601
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.861.246.733.043)	(16.917.599.200.987)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(140.000.000)	(541.200.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư cho thuê	(15.375.043.255)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(108.292.812.352)	(122.741.625.445)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(17.724.594.578)	(14.639.128.826)
Thanh lý công ty con	(22.802.749.169)	-
Biến động khác	(406.758.560)	(19.475.185.971)
Số dư cuối kỳ	<b>5.031.894.797.136</b>	<b>23.742.182.672.087</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	
	VND	1/1/2021 VND
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Dung Quất	3.833.169.306.647	3.487.288.552.867
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Hải Dương	624.950.472.515	1.327.612.767.875
Dự án Nông nghiệp	270.347.205.741	249.453.653.883
Dự án mở rộng Nhà máy Ống thép	87.758.240.841	5.107.652.238
Dự án Nhà máy Tôn mạ màu	12.482.553.127	9.838.075.445
Các dự án khác	203.187.018.265	249.442.072.740
	<b>5.031.894.797.136</b>	<b>5.328.742.775.048</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 3.833.669 triệu VND (1/1/2021: 2.422.965 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí trả trước**

**21.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công cụ và dụng cụ	74.397.236.017	55.169.511.816
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản	15.520.216.885	13.672.648.361
Chi phí khác	103.387.391.301	72.555.886.622
	<u>193.304.844.203</u>	<u>141.398.046.799</u>

**21.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	Chuyển từ TSCĐ hữu hình	Chuyển sang TSCĐ hữu hình	Phân bổ trong kỳ	Thanh lý công ty con	Biến động khác	Số dư cuối kỳ	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí hoạt động trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
	133.368.836.133	61.787.043.403	18.274.423.948	-	-	(50.406.979.379)	-	-	163.023.324.105	776.613.596.768	302.326.105.504	81.779.372.759	164.337.840.876	1.646.094.518.464
	-	-	-	-	-	-	-	-	146.372.579.699	281.555.692.500	8.642.172.423	680.348.756	16.533.041.765	396.434.166.996
	-	-	-	-	-	-	-	-	1.010.025.017.468	39.137.887.303	22.761.466.988	-	(45.037.864.101)	108.292.812.352
	-	-	-	-	-	-	-	-	328.428.096.545	(13.331.250.000)	-	-	-	15.227.666.599
	-	-	-	-	-	-	-	-	62.776.645.707	(10.936.974.299)	(5.301.648.370)	(19.683.075.808)	(45.037.864.101)	(13.331.250.000)
	-	-	-	-	-	-	-	-	1.010.025.017.468	(63.013.934.804)	-	-	-	(202.678.529.953)
	-	-	-	-	-	-	-	-	328.428.096.545	-	-	-	(3.539.763.347)	(63.013.934.804)
	-	-	-	-	-	-	-	-	62.776.645.707	-	-	-	-	(11.559.457.280)
	<u>163.023.324.105</u>	<u>146.372.579.699</u>	<u>1.010.025.017.468</u>	<u>1.010.025.017.468</u>	<u>1.010.025.017.468</u>	<u>328.428.096.545</u>	<u>62.776.645.707</u>	<u>164.840.328.850</u>	<u>1.875.465.992.374</u>	<u>164.840.328.850</u>	<u>164.840.328.850</u>	<u>164.840.328.850</u>	<u>164.840.328.850</u>	<u>1.875.465.992.374</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 27.579 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2021: 45.171 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phải trả	27.258.706.519	35.663.686.775
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn	486.718.183.124	172.947.080.907
Khấu hao loại trừ khỏi chi phí tính thuế	-	9.436.260.938
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác	1.749.671.383	7.506.279.404
	<hr/>	<hr/>
	515.726.561.026	225.553.308.024

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Lợi thế thương mại**

	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy VND	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch VND	Công ty CP Xây dựng Long Việt VND	Tổng cộng VND
<b>Giá gốc</b>					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	206.244.396.684	4.367.130.430	195.950.665	59.880.000.000	270.687.477.779
<b>Phân bổ lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	206.244.396.684	4.367.130.430	-	16.966.000.000	227.577.527.114
Phân bổ trong kỳ	-	-	-	2.994.000.000	2.994.000.000
Số dư cuối kỳ	206.244.396.684	4.367.130.430	-	19.960.000.000	230.571.527.114
<b>Giá trị ghi sổ</b>					
Số dư đầu kỳ	-	-	195.950.665	42.914.000.000	43.109.950.665
Số dư cuối kỳ	-	-	195.950.665	39.920.000.000	40.115.950.665

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp	114.045.801.110	219.854.708.867
Cargill International Trading Pte Ltd	367.360.000.000	-
HangZhou Cogeneration (Hong Kong) Co.ltd	233.179.344.183	-
Jebsen and Jessen Metals GmbH	158.592.849.125	-
Infrabuild Steel	107.196.265.600	-
Công ty TNHH vật liệu mới HAIXIN Việt Nam	252.975.444.840	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	-	194.924.947.088
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	-	129.369.625.000
Các khách hàng khác	344.099.159.909	713.123.484.168
	<hr/>	<hr/>
	<b>1.577.448.864.767</b>	<b>1.257.272.765.123</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	Số phải nộp/bù trừ với thuế được khấu trừ		Số đã nộp trong kỳ	Bán công ty con	30/6/2021
	1/1/2021	trong kỳ	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	46.089.988.666	4.180.036.660.373	(4.161.502.770.327)	(8.620.873.921)	56.003.004.791
Thuế tiêu thụ đặc biệt	267.859.720	38.506.406.688	(35.256.640.474)	-	3.517.625.934
Thuế xuất nhập khẩu	-	185.534.779.607	(184.975.325.902)	-	559.453.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp	489.301.541.892	1.590.680.311.249	(632.688.952.908)	(12.936.131.724)	1.434.356.768.509
Thuế nhà thầu	7.101.569.591	52.536.616.278	(47.642.891.002)	-	11.995.294.867
Thuế thu nhập cá nhân	1.970.355.994	92.777.929.124	(35.827.150.129)	(77.687.103)	58.843.447.886
Thuế tài nguyên	2.823.353.466	68.307.839.578	(61.248.076.528)	(409.200)	9.882.707.316
Tiền thuế đất	-	6.531.875.951	(3.156.859.713)	-	3.375.016.238
Các loại thuế khác	1.024.592.124	62.573.531.983	(58.767.880.980)	(1.227.600)	4.829.015.527
	548.579.261.453	6.277.485.950.831	(5.221.066.547.963)	(21.636.329.548)	1.583.362.334.773

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí phải trả**

**26.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	196.691.244.134	239.100.118.793
Tiền điện	30.483.511.332	55.903.336.843
Chi phí khuyến mại	76.082.843.042	74.706.969.823
Chi phí phải trả cho nhà thầu	85.278.582.932	246.297.733.548
Phí vận chuyển	6.411.669.168	9.606.306.522
Lương và thưởng	1.091.031.054	3.452.366.915
Chi phí phải trả khác	138.571.399.021	11.062.851.738
	<hr/>	<hr/>
	534.610.280.683	640.129.684.182
	<hr/>	<hr/>

**26.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất khu công nghiệp	194.825.517.504	193.664.493.846
Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	33.000.000.000	30.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	227.825.517.504	223.664.493.846
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Phải trả khác**

**27.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu thương mại	60.420.028.248	32.985.349.083
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	51.181.072.041	48.686.819.279
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng	181.619.435.375	179.282.884.000
Tài sản thừa chờ xử lý	1.974.122.669	1.197.112.178
Cổ tức phải trả	5.260.781.352	12.377.200.123
Các khoản phải trả khác	80.284.518.817	53.532.035.688
	<b>380.739.958.502</b>	<b>328.061.400.351</b>

**27.2 Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ bảo trì căn hộ	43.912.304.325	41.989.925.396
Các khoản phải trả khác	26.635.854.378	26.746.160.774
	<b>70.548.158.703</b>	<b>68.736.086.170</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Vay**

**28.1 Vay ngắn hạn**

	1/1/2021		Biến động trong kỳ		30/6/2021		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Thanh lý công ty con VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	31.553.932.128.138	31.553.932.128.138	57.420.720.751.503	(54.014.337.695.662)	(352.349.313.328)	34.607.965.870.651	34.607.965.870.651
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 28.2)	5.244.533.543.966	5.244.533.543.966	2.968.524.012.295	(2.549.507.965.470)	-	5.663.549.590.791	5.663.549.590.791
	36.798.465.672.104	36.798.465.672.104	60.389.244.763.798	(56.563.845.661.132)	(352.349.313.328)	40.271.515.461.442	40.271.515.461.442

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD với giá trị tương ứng là 21.242.267 triệu VND và 13.365.699 triệu VND (1/1/2021: 24.396.515 triệu VND và 7.157.417 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và USD với giá trị ghi sổ tương ứng là 13.240.837 triệu VND và 4.121.938 triệu VND (1/1/2021: là 20.131.841 triệu VND và 2.364.426 triệu VND) được bảo đảm bằng một số khoản tương đương tiền (Thuyết minh 10), tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 16 và 17), xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn và các tài sản hình thành trong tương lai từ một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 20), chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 21.2), quyền phải thu và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”) thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty (bên liên quan).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND chịu lãi suất từ 1,6% đến 6% (2020: từ 1,8% đến 9,1%) một năm. Các khoản vay bằng USD chịu lãi suất từ 0,89% đến 3,6% (2020: từ 1,59% đến 3,6%) một năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28.2 Vay dài hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	21.385.765.841.749	22.587.781.095.478
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 28.1)	(5.663.549.590.791)	(5.244.533.543.966)
Hoàn trả sau 12 tháng	15.722.216.250.958	17.343.247.551.512

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (*)	VND	2025	8.134.401.952.435	8.732.028.283.135
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công (**)	VND	2025	7.823.526.045.304	8.340.698.246.111
Ngân hàng BNP Paribas (**)	USD	2023	3.556.923.077.243	4.285.846.153.954
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (*)	VND	2024	587.709.898.302	639.378.589.648
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (***)	VND	2022	333.156.066.479	466.886.822.630
Ngân hàng TNHH MTV Wooribank Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	VND	2024	350.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (*)	VND	2025	284.817.701.948	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - chi nhánh Hà Nội (*)	VND	2026	186.146.255.388	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (*)	VND	2025	99.201.000.000	99.201.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (*)	VND	2025	16.136.000.000	18.142.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thuật Việt Nam (*)	VND	2026	13.747.844.650	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND	2022	-	5.600.000.000
			21.385.765.841.749	22.587.781.095.478

(\*) Các khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng một số tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 14), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 16 và 17), chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (Thuyết minh 19) và xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 20).

(\*\*) Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm Tài khoản thanh toán nợ mở tại ngân hàng quản lý tài khoản là Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội và bảo lãnh của hai công ty trong Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*\*\*) Khoản vay dài hạn này được bảo lãnh bởi một Công ty trong Tập đoàn.

Các khoản vay dài hạn còn lại không được đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn bằng VND chịu lãi suất từ 5,2% đến 8,8% (2020: 2,6% đến 9,5%) một năm. Khoản vay dài hạn bằng USD chịu lãi suất LIBOR + 2,05% một năm.

## 29. Dự phòng

	Chi phí bảo hành VND	Dự phòng khôi phục môi trường VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	20.633.351.453	11.214.115.913	31.847.467.366
Dự phòng lập trong kỳ	3.218.487.100	24.506.584.688	27.725.071.788
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(15.757.537)	-	(15.757.537)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(980.296.832)	-	(980.296.832)
Số dư cuối kỳ	22.855.784.184	35.720.700.601	58.576.484.785
Ngắn hạn	4.850.480.257	-	4.850.480.257
Dài hạn	18.005.303.927	35.720.700.601	53.726.004.528

## 30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông, Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	1.133.445.419.487	806.604.376.402
Trích lập trong kỳ	311.016.400.000	248.964.482.761
Sử dụng trong kỳ	(360.096.667.560)	(283.480.136.690)
Thanh lý công ty con	(30.388.844.506)	-
Số dư cuối kỳ	1.053.976.307.421	772.088.722.473

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	27.610.741.150.000	3.211.560.416.270	565.534.994	923.641.612.156	15.876.913.750.948	163.213.679.327	47.786.636.143.695
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	5.028.113.842.713	32.208.485.131	5.060.322.327.844
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(248.964.482.761)	-	(248.964.482.761)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(19.544.345.028)	(19.544.345.028)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	2.126.630.266	-	-	-	2.126.630.266
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	27.610.741.150.000	3.211.560.416.270	2.692.165.260	923.641.612.156	20.656.063.110.900	175.877.819.430	52.580.576.274.016
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	33.132.826.590.000	3.211.560.416.270	5.568.369.072	928.641.612.156	21.792.442.633.285	148.746.685.328	59.219.786.306.111
Góp vốn	-	-	-	-	-	3.130.000.000	3.130.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	16.698.960.868.160	51.749.598.995	16.750.710.468.155
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.596.400.470.000	-	-	-	(11.596.400.470.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(1.656.641.329.500)	-	(1.656.641.329.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(311.010.900.000)	(5.500.000)	(311,016,400,000)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(17.842.799.632)	(17.842,799,632)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(1.681.609.544)	(1.681,609,544)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	445.044.379	-	-	-	445,044,379
Biến động khác	-	-	-	-	(2.380.456.412)	(70.125.802)	(2,450,582,214)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	6.013.413.451	928.641.612.156	24.924.970.345.533	184.026.250.345	73.984.439.097.755

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 32. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2021		30/6/2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	3.313.282.659	33.132.826.590.000	2.761.074.115	27.610.741.150.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	11.596.400.470.000	-	-
Số dư cuối kỳ	4.472.922.706	44.729.227.060.000	2.761.074.115	27.610.741.150.000

### 33. **Cổ tức**

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**34.1 Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	175.613.678.456	454.527.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	504.579.616.273	484.020.206.913
	<hr/> 680.193.294.729	<hr/> 938.547.206.913

**34.2 Cam kết hợp đồng thuê**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	47.122.062.362	36.794.422.430
Trong vòng hai đến năm năm	255.387.249.448	140.754.028.638
Sau năm năm	134.435.447.568	182.935.303.458
	<hr/> 436.944.759.378	<hr/> 360.483.754.526

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	66.182.262.287.748	39.541.422.201.472
▪ Cung cấp dịch vụ	592.406.640.955	326.074.173.262
▪ Cho thuê lại đất thuê	59.338.500.000	199.223.391.175
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	40.317.548.750	23.509.183.313
▪ Bán bất động sản	24.459.280.630	53.260.384.912
▪ Khác	-	1.807.319.400
	<hr/>	<hr/>
	66.898.784.258.083	40.145.296.653.534
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(577.826.510.922)	(477.423.621.545)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.164.711.469)	(1.514.341.338)
▪ Hàng bán bị trả lại	(24.563.248.507)	(11.448.798.235)
	<hr/>	<hr/>
	(603.554.470.898)	(490.386.761.118)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	66.295.229.787.185	39.654.909.892.416

**36. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	46.151.041.248.810	31.843.987.380.513
Dịch vụ đã cung ứng	441.858.848.084	169.743.467.032
Giá vốn của đất thuê	31.740.000.000	88.426.187.593
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	20.887.810.515	18.853.171.133
Giá vốn bất động sản đã bán	7.707.334.734	32.062.424.908
Giá vốn khác	-	1.885.757.862
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.106.457.594)	31.390.846.037
	<hr/>	<hr/>
	46.635.128.784.549	32.186.349.235.078

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	534.575.375.721	169.338.520.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	280.473.013.084	221.236.677.258
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.891.555.145	32.177.121.795
Chiết khấu thanh toán	382.526.146	24.702.212
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	502.576.837.439	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.717.774.049	1.119.133.234
	<b>1.344.617.081.584</b>	<b>423.896.154.899</b>

**38. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	1.221.208.356.473	1.004.456.450.302
Chiết khấu thanh toán	20.203.368	4.320.288.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	315.740.716.335	261.302.392.974
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.331.080.901	52.197.520.682
Chi phí tài chính khác	34.688.403.733	42.014.343.950
	<b>1.588.988.760.810</b>	<b>1.364.290.995.908</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	58.607.364.877	54.771.421.273
Chi phí khấu hao	16.532.389.319	12.258.915.212
Chi phí bảo hành	6.582.871.612	4.177.117.241
Chi phí vận chuyển	308.431.925.650	185.992.682.088
Chi phí quảng cáo	36.931.778.806	50.836.019.120
Chi phí khuyến mại	1.400.268.188	846.053.953
Chi phí xuất khẩu	318.055.787.535	61.856.692.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	79.286.960.264	146.431.457.039
	<b>825.829.346.251</b>	<b>517.170.358.588</b>

**40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	2.994.000.000	15.081.220.852
Chi phí nhân viên	145.731.500.836	116.991.815.801
Chi phí khấu hao	38.985.130.616	35.850.825.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	391.842.923.460	140.543.536.535
	<b>579.553.554.912</b>	<b>308.467.398.556</b>

**41. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	858.424.926	1.737.265.729
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	262.079.549.643	256.317.958.202
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	22.875.127.267	14.219.697.412
Thu nhập khác	63.782.867.348	34.404.211.044
	<b>349.595.969.184</b>	<b>306.679.132.387</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	26.992.372	1.479.599.102
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	262.049.106.453	256.541.252.528
Chi phí khác	54.935.449.663	12.562.370.712
	<b>317.011.548.488</b>	<b>270.583.222.342</b>

**43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	40.672.913.296.237	28.473.234.434.676
Chi phí nhân viên	1.818.413.390.821	993.997.266.250
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.962.414.225.327	2.215.763.017.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.940.036.814.371	2.017.613.297.504
Chi phí khác	1.912.025.507.025	1.682.785.732.528

**44. Thuế thu nhập**

**44.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	1.595.479.235.378	735.388.618.871
Dự phòng (thừa)/thiếu các kỳ trước	(2.418.467.717)	954.386.303
	<b>1.593.060.767.661</b>	<b>736.343.005.174</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(304.105.853.199)	(43.852.730.877)
Chi phí thuế TNDN	<b>1.288.954.914.462</b>	<b>692.490.274.297</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**44.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.039.665.382.617	5.752.812.602.141
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	7.195.986.241	13.843.737.371
Phân bổ lợi thế thương mại	-	15.081.220.852
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.479.849.908)	(7.126.731.779)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.003.654.399	26.411.992.256
Giá vốn trích trước của bất động sản đã bán	3.000.000.000	3.000.000.000
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời khác	980.161.575.788	331.317.041.982
Lỗi tính thuế năm hiện hành từ các công ty con	-	87.789.293.323
	18.983.546.749.137	6.223.129.156.146
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(36.700.866.838)
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>18.983.546.749.137</b>	<b>6.186.428.289.308</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính theo thuế suất của Công ty	3.796.709.349.827	1.237.285.657.862
Ưu đãi thuế của các công ty con	(2.184.721.325.518)	(507.086.326.071)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(17.344.688.621)	(12.368.571.585)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗi tính thuế của các công ty con	835.899.690	17.557.858.665
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(304.105.853.199)	(43.852.730.877)
Thuế TNDN trích (thừa)/bổ sung kỳ trước	(2.418.467.717)	954.386.303
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.288.954.914.462</b>	<b>692.490.274.297</b>

**44.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**45.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 (Số cổ phiếu)	30/6/2020 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	3.313.282.659	2.761.074.115
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020	-	552.208.544
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Thuyết minh 33)	1.159.640.047	1.159.640.047
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ</b>	<b>4.472.922.706</b>	<b>4.472.922.706</b>

**45.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty (VND)	16.698.960.868.160	5.028.113.842.713
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(935.141.808.617)	(155.505.450.000)
	15.763.819.059.543	4.872.608.392.713
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)</b>	<b>4.472.922.706</b>	<b>4.472.922.706</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>3.524</b>	<b>1.089</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định chính xác số lợi nhuận thuần hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tập đoàn đã ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 935.141.808.617 VND.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**45.3 Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 33) và việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 31) như sau:

	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	3.313.282.659	1.518
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	(394)
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(35)
<b>Số điều chỉnh lại</b>	<b>4.472.922.706</b>	<b>1.089</b>

**46. Các công cụ tài chính**

**46.1 Quản lý rủi ro tài chính**

**(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

**(b) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và cố tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

#### **46.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công ty tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

##### ***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 Triệu VND</b>	<b>1/1/2021 Triệu VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	14.633.411	13.683.180
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(b)	17.206.805	8.296.993
Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác	(c)	4.955.320	4.363.749
		<hr/>	<hr/>
		36.795.536	26.343.922

##### **(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

##### **(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng và trái phiếu có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu chưa bị tổn thất như sau:

	30/6/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
Chưa quá hạn	4.900.709	4.200.992
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	5.826	89.666
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	7.291	29.507
Quá hạn trên 180 ngày	41.494	43.584
	4.955.320	4.363.749

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	39.336.197.606	37.145.790.132
Tăng dự phòng trong kỳ	796.935.634	649.994.295
Hoàn nhập và sử dụng trong kỳ	(1.561.745.975)	(122.079.009)
Thanh lý công ty con	(132.649.797)	-
Số dư cuối kỳ	38.438.737.468	37.673.705.418

**46.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc cố thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	24.829.971	24.829.971	24.403.835	426.136	-
Các khoản vay	55.993.732	59.683.061	42.008.236	7.356.293	10.318.532
	80.823.703	84.513.032	66.412.071	7.782.429	10.318.532
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	14.319.102	14.319.102	11.654.368	2.664.734	-
Các khoản vay	54.141.713	61.206.131	41.823.469	7.133.906	12.248.756
	68.460.815	75.525.233	53.477.837	9.798.640	12.248.756

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

**46.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR	AUD	CNY	SGD
<b>30/6/2021</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.960.336	1.247	307.315	945	106.465
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	66.970.858	-	-	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	2.887.771	-	-
Phải trả người bán	(391.006.834)	(35.415.567)	(186.006)	(76.836)	-
Vay ngắn hạn	(578.101.183)	-	-	-	-
Vay dài hạn	(153.846.154)	-	-	-	-
	(1.035.022.977)	(35.414.320)	3.009.080	(75.891)	106.465
<b>1/1/2021</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.264.410	2.172	2.659.395	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.881.352	-	65.238	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	23.918	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	300.000	-	-
Phải trả người bán	(350.339.542)	(21.323.019)	-	-	-
Vay ngắn hạn	(308.310.002)	-	-	-	-
Vay dài hạn	(184.615.385)	-	-	-	-
	(795.119.167)	(21.320.847)	3.048.551	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2021	1/1/2021
Tỷ giá mua USD/VND	22.920	23.035
Tỷ giá bán USD/VND	23.120	23.215
Tỷ giá mua EUR/VND	26.834	27.934
Tỷ giá bán EUR/VND	27.954	29.065
Tỷ giá mua JPY/VND	204	219
Tỷ giá bán JPY/VND	213	228
Tỷ giá mua AUD/VND	17.035	17.513
Tỷ giá bán AUD/VND	17.569	18.062
Tỷ giá mua CNY/VND	3.525	3.496
Tỷ giá bán CNY/VND	3.636	3.606
Tỷ giá mua SGD/VND	16.859	17.204
Tỷ giá bán SGD/VND	17.387	17.743

**(b) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu ảnh hưởng của lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
<b>Các công cụ tài chính hưởng lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	28.354.072	19.974.785
Nợ phải trả tài chính	(48.611.247)	(49.855.867)
	<b>(20.257.175)</b>	<b>(29.881.082)</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tài sản tài chính	20.000	20.000
Nợ phải trả tài chính	(7.382.485)	(4.285.846)
	<b>(7.362.485)</b>	<b>(4.265.846)</b>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 29.450 triệu VND lợi nhuận thuần hợp nhất của Tập đoàn (2020: 34.127 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**46.5 Giá trị hợp lý**

**(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	17.182.805	17.182.805	8.126.993	8.126.993
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	24.000	(*)	170.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.644.184	14.644.184	13.696.099	13.696.099
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	4.797.247	4.797.247	4.267.310	4.267.310
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	158.073	(*)	96.439	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	700	(*)	700	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	(24.403.835)	(24.403.835)	(11.654.368)	(11.654.368)
- Phải trả người bán dài hạn, chi phí phải trả dài hạn và phải trả dài hạn khác	(426.136)	(*)	(2.664.734)	(*)
- Các khoản vay	(55.993.732)	(*)	(54.141.713)	(*)
	(44.016.694)		(42.103.274)	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(c) Phòng ngừa rủi ro**

Tập đoàn áp dụng chính sách đảm bảo một tỷ lệ số dư chịu sự biến động lãi suất của các khoản vay được duy trì với lãi suất cố định. Các hợp đồng hoán đổi lãi suất, đã được ký kết nhằm đạt được một cơ cấu phù hợp bao gồm các khoản chịu lãi suất cố định và lãi suất thả nổi theo chính sách của Tập đoàn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có các hợp đồng hoán đổi lãi suất với giá trị khoản vay liên quan là 3.556.923 triệu VND (1/1/2021: 4.285.846 triệu VND). Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**47. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	17.710.000.000	25.240.000.000
<b>Thành viên của Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	2.000.000.000	780.000.000
<b>Thành viên của Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao, lương và thưởng	645.500.257	376.777.203

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

48. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.596.400.470.000	-

49. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

26-08-2021

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc